TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KHOÁI CHÂU** **TỈNH HƯNG YÊN** ---***---	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 47/2019/HSST
Ngày: 31/5/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHOÁI CHÂU

- Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hương.

Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xuân Hòa và bà Đặng Thị Thêm.

- ***Thư ký ghi biên bản phiên toà:*** Bà Vũ Nhật Lệ - Thư ký toà án.

- Đại diện VKSND huyện Khoái Châu: Bà Đặng Thị Huệ - KSV.

Ngày 31 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 46/2019/TLST-HS, ngày 15/05/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2019/QĐXXST-HS ngày 17/5/2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Danh Q - sinh năm 1995. Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: thôn H, thị trấn K, huyện K, tỉnh Hưng Yên; Nghề nghiệp: làm ruộng; Trình độ văn hoá: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Danh S (Đã chết) và bà Nguyễn Thị Y - sinh năm 1969; Vợ, con: Chưa có.

Tiền sự: - Ngày 11/11/2016, Q bị Công an thị trấn K xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "Cố ý làm hư hỏng tài sản" mức tiền phạt là 3.500.000 đồng.

- Ngày 24/12/2016, Q bị Công an thị trấn K, huyện K xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "Trộm cắp tài sản" mức tiền phạt là 1.500.000 đồng.

Tiền án: Tại bản án số 05/2018/HSST, ngày 25/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu đã xử phạt bị cáo Nguyễn Danh Q 09 (Chín) tháng tù tính từ ngày 25/10/2017. Bị cáo chấp hành xong hình phạt vào ngày 25/07/2018.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 18/3/2019, hiện đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên (Có mặt tại phiên tòa).

****/ Người bị hại:*** Chị Nguyễn Thị A, sinh năm 1978.

Trú tại: Thôn Thượng, thị trấn K, huyện K, tỉnh Hưng Yên (Vắng mặt tại phiên tòa).

****/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Anh Nguyễn Thế V, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Thôn H, tt. K, huyện K, tỉnh Hưng Yên (Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 18/3/2019, Nguyễn Danh Q đi bộ trên đường N thuộc thôn T, Thị trấn K, huyện K thì phát hiện có 01 chiếc xe đạp loại xe địa hình màu đen dựng trước cửa nhà chị Nguyễn Thị A sinh năm 1978, đầu xe hướng vào phía trong nhà, đuôi xe hướng ra đường. Quan sát xung quanh không có ai nên Q nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe để bán lấy tiền tiêu xài. Q tiến lại gần chiếc xe đạp rồi dùng

tay trái cầm vào tay lái của chiếc xe đạp, tay phải cầm vào yên xe và dắt xe ra ngoài đường. Sau đó Q đi xe đến cửa hàng cầm đồ của anh Nguyễn Thế V sinh năm 1982 ở thôn H, Thị trấn K. Tại đây, Q thỏa thuận cầm cố chiếc xe đạp trên để lấy 400.000đ. Anh V không biết chiếc xe là tài sản do Q trộm cắp mà có nên đã đồng ý cho Q cầm cố chiếc xe. Số tiền có được do cầm cố xe, Q đã tiêu xài cá nhân hết.

Sau khi phát hiện bị mất xe đạp, chị Nguyễn Thị A có đơn trình báo đến Cơ quan Công an đề nghị xác minh, truy tìm thủ phạm. Cùng ngày, Nguyễn Danh Q đã đến Công an Thị trấn K tự thú và khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của mình.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 26 ngày 20/3/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện K kết luận: Trị giá chiếc xe đạp loại xe địa hình tại thời điểm bị trộm cắp là 1.467.000đ.

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 22/3/2019 Cơ quan điều tra đã trao trả chiếc xe đạp địa hình cho chị Nguyễn Thị A, chị A đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu, đề nghị gì. Anh Nguyễn Thế V yêu cầu Q phải bồi thường số tiền là 400.000 đồng, Q chấp nhận yêu cầu nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 55/QĐ-VKS-HS, ngày 14/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu đã truy tố: Nguyễn Danh Q về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên toà hôm nay:

Đại diện Viện kiểm nhân dân huyện Khoái Châu giữ nguyên Quyết định truy tố đối với bị cáo Q và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo phạm tội "Trộm cắp tài sản"; Đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm h, r, s, khoản 1 Điều 51: Điều 48 của BLHS năm 2015; Điều 357 của BLDS năm 2015. Đề nghị xử phạt bị cáo Q từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt, tạm giữ 18/3/2019; Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Q; buộc bị cáo phải trả số tiền 400.000đ cho anh Nguyễn Thế V.

- Bị cáo Q nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu đồng thời thành khẩn khai báo nhận tội, thái độ ăn năn hối cải và nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử bị cáo ở mức án thấp nhất.

- Người bị hại chị Nguyễn Thị A, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thế V đã được triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, tuy nhiên trong hồ sơ vụ án họ đã có lời khai, quan điểm rõ ràng, việc vắng mặt họ tại phiên tòa hôm nay không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, nên Hội đồng xét xử (HĐXX) căn cứ vào Điều 292 của BLTTHS năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Khoái Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: Đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự: Quá trình điều tra, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa bị cáo xuất trình tài liệu, chứng cứ phù hợp với quy định của pháp luật, không có ai khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng,

người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về tội danh và điều luật áp dụng: Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Danh Q đã thừa nhận vào ngày 18/3/2019, bị cáo đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 chiếc xe đạp địa hình màu đen của chị A. Lời khai nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với: Biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, lời khai của người bị hại, lời khai của người có Q lợi nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 12 giờ ngày 18/3/2019, Nguyễn Danh Q là người đã bị kết án về tội Trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích đã có hành vi lén lút chiếm đoạt chiếc xe đạp địa hình, được xác định có trị giá 1.467.000 đồng của gia đình chị Nguyễn Thị A sinh năm 1978 ở thôn T, Thị trấn K, huyện K.

Nguyễn Danh Q đã bị kết án về tội Trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích, nay lại có hành vi trộm cắp tài sản trị giá 1.476.000 đồng. Hành vi của Q đã phạm tội Trộm cắp tài sản quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Mặc dù giá trị của chiếc xe đạp mà bị cáo trộm cắp của chị An chưa đến 2.000.000đ, nhưng bị cáo phạm tội trong thời gian chưa được xóa án tích đối với bản án số: 05/2018/HSST, ngày 25/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu đã truy tố bị cáo Nguyễn Danh Q về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 của BLHS năm 2015 là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Xét hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến Q sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn làm ảnh hưởng đến sự an toàn xã hội nói chung và gây mất trật tự trị an tại địa phương nói riêng. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc lợi dụng lúc người bị hại sơ hở trong việc quản lý tài sản, bị cáo có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của họ là vi phạm pháp luật, nhưng do có động cơ tư lợi, muốn ăn chơi hưởng thụ trên mồ hôi công sức của người khác nên bị cáo vẫn thực hiện, thể hiện sự coi thường kỷ cương, pháp luật của nhà nước. Hành vi của bị cáo cần phải xử lý nghiêm khắc trước pháp luật.

[4]. Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Q không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5]. Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Ngay sau khi phạm tội bị cáo đã tự thú; Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên toà hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo với thái độ ăn năn hối cải; giá trị tài sản mà bị cáo trộm cắp không lớn nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, r, s, khoản 1 Điều 51 của BLHS năm 2015 để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo thể hiện sự nhân đạo của pháp luật.

[6]. Xét về nhân thân: Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo Q là người có nhân thân xấu, lười lao động, thích ăn chơi hưởng thụ trên mồ hôi công sức của người khác. Năm 2016, đã từng 02 lần bị Công an thị trấn K, huyện K xử phạt vi phạm hành chính về hành vi cố ý làm hư hỏng tài sản và trộm cắp tài sản, năm 2018 bị Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu kết án 09 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Tuy nhiên sau nhiều lần được giáo dục bằng biện pháp xử phạt hành chính và đưa ra xét xử thì bị cáo vẫn chứng nào tật ấy, không biết ăn năn hối cải, không chịu tu dưỡng rèn

luyện bản thân để trở thành người công dân tốt mà lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản một cách táo tợn, công khai giữa ban ngày, chứng tỏ bị cáo là người coi thường pháp luật khó cải tạo. Nên cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, nhằm giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân thủ pháp luật và các quy tắc của cuộc sống xã hội chủ nghĩa, đồng thời giáo dục người khác tôn trọng pháp luật và cũng là đáp ứng nhu cầu phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có công ăn việc làm ổn định, không có tài sản riêng, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại chị Nguyễn Thị A đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu đề nghị gì; Người có Q lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thế V yêu cầu bị cáo Q phải trả lại cho anh số tiền 400.000đ mà anh V đã mua chiếc xe đạp địa hình nói trên là có căn cứ cần được chấp nhận theo quy định tại có căn cứ, phù hợp với Điều 48 của BLHS năm 2015 được HĐXX chấp nhận.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án hợp pháp, nếu bị cáo Q chậm thi hành khoản tiền nêu trên thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 của BLDS năm 2015.

[8]. Về án phí: Buộc bị cáo Q phải chịu án phí HSST là 200.000đ và án phí trách nhiệm dân sự không có giá ngạch là 300.000đ theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và khoản 2 Điều 136 của BLTTHS năm 2015.

[9]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331; Điều 333 của BLTTHS năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH;

Căn cứ: Điểm b khoản 1 Điều 173; điểm h, r, s, khoản 1 Điều 51 của BLHS năm 2015.

Tuyên bố**:** Bị cáo Nguyễn Danh Q phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Danh Q 01 (Một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 18/3/2019.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Q.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của BLHS năm 2015; Điều 357 của BLDS năm 2015.

Buộc bị cáo Q phải trả cho anh Nguyễn Thế V, sinh năm 1982 trú tại: Thôn H, thị trấn K, huyện K, tỉnh Hưng Yên số tiền 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án hợp pháp, nếu bị cáo Q chậm thi hành khoản tiền nêu trên thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của BLTTHS năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Q phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí HSST và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí trách nhiệm dân sự không có giá ngạch.

Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331; Điều 333 của BLTTHS năm 2015.

Báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (31/05/2019). Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần quyết định có liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại địa phương nơi thường trú.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Hương

Nơi nhận
- *VKSND tỉnh HY;*
- *TAND tỉnh HY;*
- *Trại tạm giam CATHY;*
- *VKSND huyện K/C;*
- *Cơ quan CSĐT Công an huyện K/C;*
- *CQTHAHS Công an huyện K/C;*
- *Chi cục THADS huyện K/C;*
- *UBND thị trấn K,*
- *Bị cáo;bị hại; Người liên quan;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*